

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 50/2021/DS-GĐT

Ngày 09/7/2021

Về “*Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Th phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự và ông Phạm Việt Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên.

- *Đại diện Viện K sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*

Bà Bùi Thị Dung - K sát viên.

Ngày 09/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1950;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1947;

Bà H, ông H cùng có địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Mai K, sinh năm 1953, địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Võ Thị Th, sinh năm 1936, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nh, sinh năm 1942, địa chỉ: Số M, phường H, Quận K, Th phố Hồ Chí Minh.

- Anh Võ Quang Tr, sinh năm 1968, địa chỉ: Số P, Phường N, Quận Y, Th phố Hồ Chí Minh.

- Chị Võ Nguyên Tuyết Tr1, sinh năm 1963, địa chỉ: Số L, phường H, quận T, Th phố Hồ Chí Minh. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1968, địa chỉ: Số L đường T, Phường T, quận G, Th phố Hồ Chí Minh,

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958;
- Anh Nguyễn Tr Th, sinh năm 1984;
- Chị Lê Thị Tuyết H1, sinh năm 1988;
- Ông L, anh Th, chị H1 cùng địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1986, địa chỉ: Số N, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi
- Ủy ban nhân dân huyện Đ, người đại diện theo pháp luật là ông Trần E - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2010 của nguyên đơn là bà Võ Thị Mỹ H trình bày: cha mẹ bà H là cụ Võ Đăng T và cụ Nguyễn Thị N có 05 người con gồm: Ông Võ Đăng Tr1 (chết năm 2008, ông Tr1 có vợ là bà Nguyễn Thị Thúy Nh và hai con là chị Võ Nguyễn Tuyết Tr1 và anh Võ Quang Tr); bà Võ Thị N1 (chết năm 1972, bà N1 có hai con là anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Nh); bà Võ Thị Th; bà Võ Thị Mỹ H; bà Võ Thị Mai K, không còn người thừa kế nào khác. Cụ Võ Đăng T chết năm 1984, cụ Nguyễn Thị N chết năm 2006, không để lại di chúc. Quá trình sinh sống, cha mẹ bà H tạo lập thửa đất số 446 tờ bản đồ số 12, diện tích 2.144m² tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi từ trước năm 1975 và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00622/QSDĐ/945/QĐ - UB (H) ngày 26/12/2000 đứng tên hộ cụ Nguyễn Thị N. Toàn bộ thửa đất trên hiện nay do gia đình bà Võ Thị Mai K quản lý. Nay bà H yêu cầu Tòa án chia thừa kế thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật về thừa kế; bà H yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật. Đối với cây cối, nhà cửa gắn liền với đất Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là bà Võ Thị Mai K trình bày: bà K thống nhất cụ T và cụ N có những người thừa kế theo pháp luật như bà H trình bày là đúng; các cụ chết không để lại di chúc. Về nguồn gốc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.144m² tọa lạc tại xã P, huyện Đ là do cha Bà là cụ Võ Đăng T cùng Bà tạo lập từ năm 1975. Bà ở trên đất vườn từ lúc còn nhỏ đến nay và đã kê khai đất theo nghị định 64/CP. Thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của Bà nên Bà không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và những người liên quan về yêu cầu phân chia thừa kế. Đối với tài sản là nhà và cây gắn liền đất Bà không tranh chấp nên không có yêu cầu gì. Bà yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho mẹ bà là cụ Nguyễn Thị N đối với thửa đất trên, với lý do cấp không đúng đối tượng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà K xác nhận, Bà và ông Nguyễn Văn L kết hôn năm 1982, sau khi kết hôn vợ chồng Bà chung sống cùng cụ T và cụ N tại thửa

đất nêu trên. Khi ông L kết hôn với Bà, cha mẹ Bà đã sinh sống tại thửa đất số 446.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Võ Thị Th, chị Nguyễn Ngọc S (con bà Võ Thị N1) và anh Võ Quang Tr (con ông Võ Đăng Tr1) trình bày: thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N theo quy định của pháp luật. Đối với cây và nhà trên đất những người này đều không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Nh và chị Nguyễn Thị Tuyết Tr1 đều trình bày: bà Nguyễn Thị Thúy Nh (vợ ông Võ Đăng Tr1 con trai cả của cụ T và cụ N đã chết) và chị Nguyễn Tuyết Tr1 (con ruột ông Tr1) đều trình bày xin vắng mặt và cam kết đồng ý với với quyết định của Tòa án, không khiếu nại gì sau này.

+ Chị Nguyễn Thị Nh trình bày: chị Nh là con ông Nguyễn Hoi và bà bà Võ Thị N1 (cháu cụ T và bà N). Chị Nh xin vắng mặt và cam kết đồng ý với với quyết định của Tòa án, không khiếu nại gì sau này.

+ Ông Nguyễn Văn L trình bày: ông L là chồng bà K, ông bà kết hôn năm 1982, sau khi kết hôn thì ông và bà K sống chung cùng cụ T và cụ N. Trước khi ông kết hôn với bà K thì bà K đã sống cùng cụ T và cụ N tại thửa đất tranh chấp, ông nhất trí với ý kiến của bị đơn không đồng ý chia thừa kế quyền sử dụng đất; đồng thời yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị N.

+ Anh Nguyễn Tr Th và Nguyễn Thị Ngọc O, Lê Thị Tuyết H1 trình bày: anh Th, chị O và chị H1 (con bà K, ông L) thống nhất như lời trình bày của bà K, ông L.

- Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00622/QSDĐ/945/QĐ - UB (H) ngày 26/12/2000 cho hộ cụ N như nêu trên là đúng đối tượng và phù hợp quy định pháp luật. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận, hộ cụ N chỉ có một mình cụ. Vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Mai K cùng các con có hộ riêng; do đó Ủy ban nhân dân huyện Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K, ông L.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2015/DSST ngày 29/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

1. Chấp nhận một phần nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 10/6/2010 của bà Võ Thị Mỹ H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N đình chỉ giải quyết một phần nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 10/6/2010 của bà Võ Thị Mỹ H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Đăng The để lại, vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

2. Xác định di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị N (chết năm 2006) để lại là: Diện tích đất 1.121,35m thuộc phía Bắc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12 xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi do cụ Nguyễn Thị N đứng tên theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số vào số 00622/QSĐĐ/945/QĐ-UB (H) được UBND huyện Đ cấp ngày 26/12/2000.

3. Chia di sản thừa kế là diện tích đất 1.121,35m thuộc % phía Bắc thừa đất số 446, tờ bản đồ số 12 xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi do cụ Nguyễn Thị N để lại cho các đồng thừa kế như sau:

3.1 Chia cho bà Võ Thị Mỹ H được quyền sử dụng diện tích đất 224,27m (trong đó có 20m đất ở và 204,27m đất HNK) thuộc thừa đất số 446, tờ bản đồ số 12; có giới cận:

+ Phía Đông: Giáp đất Nguyễn Đăng Nghĩa thuộc thừa đất số 447; có cạnh dài 4,83m.

+ Phía Tây: Giáp đường Bô Đề - Đức Lợi - Mỹ Á, có cạnh dài 4, 86m.

+ Phía N1: Giáp phần đất bà Võ Thị Th được chia tại mục 3.2 phần quyết định của bản án này; có cạnh dài 46,48m.

+ Phía Bắc: Giáp phần đất bà Nguyễn Thị Muôn thuộc thừa đất số 445, có cạnh dài 46,21m.

3.2 Chia cho bà Võ Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất 224 27m (trong đó có 20m đất ở và 204,27m đất HNK) thuộc thừa đất số 446, tờ bản đồ số 12; có giới cận:

+ Phía Đông: Giáp đất Nguyễn Đăng Nghĩa thuộc thừa đất số 447, có cạnh dài 4,78m.

+ Phía Tây: Giáp đường Bô Đề - Đức Lợi - Mỹ Á; có cạnh dài 4 Sóm.

+ Phía N1: Giáp phần đất anh S, chị Nh được chia tại mục 3 phần quyết định của bản án này, có cạnh dài 46,76m.

+ Phía Bắc: Giáp phần đất bà Võ Thị Mỹ H được chia tại mục 3.1 phần quyết định của bản án này; có cạnh dài 46,48m.

3.3 Chia cho anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Nh quyền sử dụng chung diện tích 224,27m (trong đó có 20m đất ở và 204,27m đất HNK) thuộc thừa đất số 446, tờ bản đồ số 12; có giới cận:

+ Phía Đông: Giáp đất Nguyễn Đăng Nghĩa thuộc thừa đất số 447, tờ bản đồ số 12; có cạnh dài 4,72m.

+ Phía Tây: Giáp đường Bô Đề - Đức Lợi - Mỹ Á; có cạnh dài 4,86m.

+ Phía N1: Giáp phần đất bà Nh, anh Tr, chị Tr1 được chia tại mục 3.4 phần quyết định của bản án này; có chiều dài 47,03m.

+ Phía Bắc: Giáp đất của bà Võ Thị Th được chia tại mục 3.2 phần quyết định của bản án này; có cạnh dài 46,76m.

3.4 Chia cho bà Nguyễn Thị Thúy Nh, anh Võ Quang Tr, chị Võ Nguyễn Tuyết Tr1 được quyền sử dụng chung diện tích đất 224,27m (trong đó có 20m đất ở và 204,27m đất HNK) thuộc thừa đất số 446, tờ bản đồ số 12; có giới cận:

+ Phía Đông: Giáp đất Nguyễn Đăng Nghĩa thuộc thừa đất số 447, tờ bản đồ số 12; có cạnh dài 4,67m.

- + *Phía Tây: Giáp đường Bô Đề - Đức Lợi – Mỹ Á; có cạnh dài 4,86m.*
- + *Phía N1: Giáp đất chia cho bà K tại mục 3.5 phần quyết định của bản án này, có cạnh dài 47,31m.*
- + *Phía Bắc: Giáp đất chia cho ông S, bà Nh tại mục 3.3 phần quyết định của bản án này; có chiều dài 47,03m.*

3.5 Chia cho bà Võ Thị Mai K được thừa kế quyền sử dụng diện tích đất 224,27m (trong đó có 20m đất ở và 204,27m đất HNK) thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12; có giới cận:

- + *Phía Đông: Giáp đất Nguyễn Đăng Nghĩa thuộc thửa đất số 447, tờ bản đồ số 12; có cạnh dài 4,61m.*
- + *Phía Tây: Giáp đường Bô Đề - Đức Lợi – Mỹ Á; có cạnh dài 4,86m.*
- + *Phía N1: Giáp đất còn lại của thửa đất số 446 (phần đất di sản chưa chia của cụ Võ Đăng T); có cạnh dài 37,46m.*
- + *Phía Bắc: Giáp đất chia cho anh Tr, bà Nh, chị Tr1 tại mục 3.4 phần quyết định của bản án này; có cạnh dài 47,31m.*

(Có sơ đồ trích đo kèm theo)

3.6 Những người được chia thừa kế quyền sử dụng đất từ mục 3.1 đến mục 3.5 phần quyết định của bản án này được quyền sở hữu cây cối và tài sản khác gắn liền với đất.

4. Tạm giao cho bà Võ Thị Mai K tiếp tục quản lý phần đất còn lại diện tích 1.121,35m thuộc , thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12 xã P (phần đất thuộc di sản của cụ Thế để lại chưa chia).

5. Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Mai Kiếm, anh Nguyễn Tr Th, chị Lê Thị Tuyết H1 và chị Nguyễn Thị Ngọc O (những người đang sinh sống tại thửa đất số 446) phải có trách nhiệm giao lại diện tích đất đã chia thừa kế cho những người được hưởng thừa kế như trên.

6. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị Mai K, anh Nguyễn Tr Th, chị Lê Thị Tuyết H1 và chị Nguyễn Thị Ngọc O về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất pháp hành số vào sổ 00622/QSDĐ/945/QĐUB (H) được UBND huyện Đ cấp ngày 26/12/2000.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/9/2015, bà Võ Thị Mai K kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Ngày 01/10/2015, anh Nguyễn Tr Th và chị Nguyễn Thị Ngọc O kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 41/2016/DS-PT ngày 30/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Tr Th, chị Nguyễn Thị Ngọc O.

II. Hủy đình chỉ một phần bản án sơ thẩm số 24/2015/DS-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N cho bà Võ Thị Mai K. Bà Võ Thị Mai K tiếp tục quản lý phần đất có diện tích 224,27m (trong đó có 20m đất ở và 204,27m đất HNK) thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12 xã P, có ký hiệu 446A/5 trong sơ đồ kèm theo bản án. Khi nào bà K có yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N sẽ được xem xét theo quy định pháp luật. Bà Võ Thị Mai K không phải chi án phí dân sự sơ thẩm.

III. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Mai K là bị đơn trong vụ án. Giữ nguyên các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2015/DSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Võ Thị Mai K có Đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Tại Quyết định Kháng nghị số 19/2021/KN-DS ngày 29/3/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 41/2016/DS-PT ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 41/2016/DS-PT ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2015/DS-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thể hiện thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.144m đất tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đang tranh chấp thừa kế là của cụ T và cụ N. Cụ N và cụ T là vợ chồng nên theo Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì thửa đất số 446 tranh chấp là tài sản chung của cụ T và cụ N. Bà K thừa nhận đất tranh chấp là của cụ T, nhưng cho rằng khi cụ T còn sống, cụ N không ở chung với cụ T trên thửa đất số 446 nên cụ N không có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 446 là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Cụ T chết năm 1984, tính đến thời điểm bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế ngày 10/6/2010 là đã hết thời hiệu đối với phần di sản của cụ T; cụ N chết năm 2006, tính đến thời điểm bà H khởi kiện chia thừa kế ngày 10/6/2010

là còn thời hiệu để chia thừa kế theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Tòa án các cấp xác định % diện tích đất tranh chấp là di sản của cụ T đã hết thời hiệu chia thừa kế và đình chỉ giải quyết phần di sản thừa kế của cụ T là có cơ sở. Diện tích đất là di sản của cụ N và chia cho các đồng thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Tuy nhiên, Bản án dân sự sơ thẩm và Bản án dân sự phúc thẩm có một số thiếu sót như sau:

[3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K không yêu cầu chia thừa kế, không yêu cầu tính công sức đóng góp; vì bà K cho rằng bà đã ở trên diện tích đất tranh chấp từ năm 1975 cho đến nay và diện tích đất tranh chấp là của Bà nên đề nghị không chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, trình bày và đề nghị xác định quyền lợi của bà K là lớn hơn yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu tính công sức nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét công sức cho bà K và Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần chia di sản cho bà K là không phù hợp và không giải quyết triệt để vụ án.

[3.2]. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 945/QĐ-UB ngày 26/12/2000 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 446 cho cụ N thì ngoài diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ N, còn có % diện tích đất thuộc di sản của cụ T, nhưng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ N không có ý kiến đồng ý của tất cả các người thừa kế của cụ T là trái quy định. Mặt khác, theo Điều 32a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi năm 2011 và Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về hướng dẫn thi hành Điều 32a của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết”* nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết khiếu nại nên không xem xét giải quyết là chưa đúng.

[3.3]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia tài sản trên đất nhưng Tòa án chưa làm rõ tài sản trên đất là của ai; các đồng thừa kế và chủ tài sản trên đất có thống nhất quyền sở hữu tài sản trên đất là của người được chia hay không nhưng quyết định quyền sở hữu đối với tài sản trên đất cho người được chia đất là không phù hợp với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị số 19/2021/KN-DS ngày 29/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 41/2016/DS-PT ngày

30/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2015/DS-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 41/2016/DS-PT ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2015/DS-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm;

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng ;
- Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Thanh